

Số: 70/CV-ĐV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 10 năm 2024

V/v: thay đổi số đăng ký  
của thuốc trúng thầu do được gia hạn  
giấy đăng ký lưu hành

**Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Bình Phước**

- Căn cứ Quyết định số 737/QĐ-QLD ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Cục Quản lý Dược về việc ban hành Danh mục 1017 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam – Đợt 187;

- Căn cứ Quyết định số 46/QĐ-SYT ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Sở Y tế tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu mua thuốc generic cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước đợt 1 giai đoạn 2023-2025.

- Hiện tại, Công ty TNHH Dược phẩm Đức Việt nhận được thông báo từ Nhà sản xuất Công ty TNHH Hasan - Dermapharm về việc thay đổi cách ghi số đăng ký của thuốc được gia hạn lưu hành tại Việt Nam đối với thuốc có STT HSMT: 744, Mã thuốc: G744, Nhóm 4, như sau:

Tiêu chí	Số đăng ký dự thầu	Số đăng ký gia hạn
Số đăng ký	VD-25977-16	893110334223 (VD-25977-16)
Tên thuốc	Viritin plus 2/0,625	
Nhà sản xuất	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	
Tuổi thọ	36 tháng	
Tiêu chuẩn chất lượng	TCCS	NSX

Chúng tôi rất mong nhận được sự đồng ý của Quý Sở Y tế cho phép chúng tôi được cung ứng mặt hàng trên theo số đăng ký gia hạn với các tiêu chuẩn khác không đổi so với hồ sơ dự thầu.

Trân trọng ./.

Ghi chú:

1. Cách ghi tiêu chuẩn chất lượng thuốc:

- Nhà sản xuất (NSX), Tiêu chuẩn nhà sản xuất (TCNSX), Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS), In-house có ý nghĩa tương đương nhau, là tiêu chuẩn chất lượng thuốc do cơ sở sản xuất xây dựng và đều có thể được ghi trên nhãn thuốc. (Trích từ phần ghi chú Quyết định số 737/QĐ-QLD ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Cục Quản lý Dược)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.







Ký bởi: Cục Quản  
lý Dược  
Cơ quan: Bộ Y tế  
Ngày ký: 09-10-  
2023 16:20:22  
+07:00

**BỘ Y TẾ**  
**CỤC QUẢN LÝ DƯỢC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 737 / QĐ-QLD

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Danh mục 1017 thuốc sản xuất trong nước  
được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 187**



**CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC**

*Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Quyết định số 1969/QĐ-BYT ngày 26/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Dược thuộc Bộ Y tế;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BYT ngày 05/09/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc;*

*Căn cứ kết luận của Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Bộ Y tế;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Đăng ký thuốc, Cục Quản lý Dược.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 1017 thuốc sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 187, cụ thể:

1. Danh mục 918 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành hiệu lực 05 năm (*Phụ lục I kèm theo*).

2. Danh mục 99 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành hiệu lực 03 năm (*Phụ lục II kèm theo*).

**Điều 2.** Cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký thuốc có trách nhiệm:

1. Sản xuất thuốc theo đúng các hồ sơ, tài liệu đã đăng ký với Bộ Y tế và phải in số đăng ký được Bộ Y tế Việt Nam cấp lên nhãn thuốc.

2. Chỉ được sản xuất, đưa ra lưu hành các thuốc kiểm soát đặc biệt khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược phạm vi kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt phù hợp với phạm vi hoạt động của cơ sở đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 143 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.

3. Thực hiện việc cập nhật tiêu chuẩn chất lượng của thuốc theo quy định tại Thông tư số 11/2018/TT-BYT ngày 04/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

4. Thực hiện, phối hợp với cơ sở nhập khẩu thực hiện theo đúng quy định tại Công văn số 5853/QLD-CL ngày 19/4/2019 của Cục Quản lý Dược về việc kiểm tra chất lượng nguyên liệu làm thuốc nhóm sartan đối với các thuốc thuộc danh mục tại Điều 1 ban hành kèm theo Quyết định này có chứa dược chất thuộc nhóm sartan

5. Thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Quyết định này nhưng chưa nộp hồ sơ cập nhật nội dung nhãn thuốc, tờ hướng dẫn sử dụng thuốc theo quy định của Thông tư 01/2018/TT-BYT ngày 18/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế thì phải thực hiện cập nhật theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 37 Thông tư số 01/2018/TT-BYT trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được gia hạn giấy đăng ký lưu hành.





6. Sau 12 tháng kể từ ngày ký ban hành Quyết định này, các thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành theo Quyết định này có thay đổi về nội dung hành chính (bao gồm cả mẫu nhãn và tờ hướng dẫn sử dụng thuốc) phải sản xuất và lưu hành với các nội dung đã được phê duyệt thay đổi trong hồ sơ gia hạn.

7. Cơ sở đăng ký thuốc phải bảo đảm duy trì điều kiện hoạt động trong thời gian hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Trong trường hợp không còn đáp ứng đủ điều kiện hoạt động, cơ sở đăng ký phải có trách nhiệm thực hiện thay đổi cơ sở đăng ký theo quy định tại Thông tư số 08/2022/TT-BYT trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ sở đăng ký không còn đủ điều kiện hoạt động.

8. Cơ sở sản xuất thuốc phải bảo đảm các điều kiện hoạt động của cơ sở sản xuất trong thời hạn hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

9. Các thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Quyết định này được tiếp tục sử dụng số đăng ký đã cấp trước khi gia hạn trong thời hạn tối đa 12 tháng kể từ ngày được cấp số đăng ký gia hạn theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BYT.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Giám đốc cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký có thuốc tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- BT. Đào Hồng Lan (đề b/c);
- TT. Đỗ Xuân Tuyên (đề b/c);
- Cục Quân y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ Công an;
- Cục Y tế GTVT - Bộ Giao thông vận tải;
- Tổng Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Bộ Y tế: Vụ PC, Cục QLYDCT, Cục QLKCB, Thanh tra Bộ, Văn phòng HĐTV cấp GDKLH thuốc, NLLT;
- Viện KN thuốc TỰ, Viện KN thuốc TP. HCM;
- Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty CP;
- Các Bệnh viện, Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Trung tâm mua sắm tập trung thuốc quốc gia;
- Cục QLD: P.QLKDD, P.QLCLT, P.PCHN, P.QLGT;
- Website;
- Lưu: VT, ĐKT (T) (02b).

**CỤC TRƯỞNG**  
  
**Vũ Tuấn Cường**

513  
DNC  
TNT  
QC  
JC  
H-T



**Phụ lục I**

**DANH MỤC 918 THUỐC SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC GIA HẠN GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 05 NĂM - ĐỢT 187**

*(Kèm theo Quyết định số 737 /QĐ-QLD ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Cục Quản lý Dược)*

ST T	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký gia hạn (Số đăng ký đã cấp)	Số lần gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

**1. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9** (Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

**1.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9** (Địa chỉ: 930 C4 đường C, Khu công nghiệp Cát Lái, cụm 2, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam)

1	Nadygenor	Arginin aspartat 1g	Dung dịch uống	Hộp 20 Ống x 5 ml	NSX	36	893110251923 (VD-27732-17)	01
2	Nadypharlux	Mỗi gói chứa Macroglol 4000 10g	Thuốc bột uống	Hộp 20 Gói x 10,21 g	NSX	36	893100252023 (VD-19299-13)	01
3	Allopurinol 300	Alopurinol 300mg	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	NSX	36	893110252123 (VD-25103-16)	01
4	Atorvastatin 20	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci) 20mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	NSX	36	893110252223 (VD-30253-18)	01
5	Fexnad 180	Fexofenadin hydroclorid 180mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vi x 10 viên	NSX	36	893100252323 (VD-29639-18)	01

**2. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược Phẩm Imexpharm** (Địa chỉ: Số 04 Đường 30/4, Phường 1, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp, Việt Nam)

**2.1. Cơ sở sản xuất: Chi nhánh 3 - Công ty CPDP Imexpharm tại Bình Dương** (Địa chỉ: Số 22, Đường số 2, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

6	Cefoxitin 1 g	Cefoxitin (dưới dạng cefoxitin natri) 1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 Lọ x 1 gam; Hộp 10 Lọ x 1 gam.	USP hiện hành	24	893110252423 (VD-26841-17)	01
7	Ceftizoxim 1g	Ceftizoxim (dưới dạng ceftizoxim natri) 1gam	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 Lọ x 1g; Hộp 10 Lọ x 1g	USP hiện hành	24	893110252523 (VD-29757-18)	01
8	Imedoxim 100	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil) 100mg	Viên nén bao phim	Hộp 03 vi x 10 Viên	USP hiện hành	24	893110252623 (VD-27890-17)	01
9	Imetoxim 1 g	Cefotaxim (dưới dạng Cefotaxim natri) 1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 Lọ x 1 gam, lọ thủy tinh; Hộp 10 Lọ x 1 gam, lọ thủy tinh	NSX	24	893110252723 (VD-26846-17)	01
10	Imexime 200	Cefixim (dưới dạng cefixim trihydrat) 200mg	Viên nang cứng	Hộp 02 vi x 10 viên	NSX	24	893110252823 (VD-30399-18)	01
11	Zanimex 250	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil) 250mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi x 5 viên	NSX	36	893110252923 (VD-20746-14)	01

**2.2. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược Phẩm Imexpharm** (Địa chỉ: Số 04, Đường 30/4, Phường 1, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam)

3-C  
TY  
IH,  
HÀ  
VIỆ  
PHC





ST T	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký gia hạn (Số đăng ký đã cấp)	Số lần gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
785	Vastanic 10	Lovastatin 10mg	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên; Chai 100 viên	NSX	36	893100330323 (VD-30090-18)	01
786	Virmagza	Tadalafil 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi x 2 viên	NSX	36	893110330423 (VD-23321-15)	01
787	Volgasrene 50	Diclofenac natri 50mg	Viên nén bao phim tan trong	Hộp 10 vi x 10 viên	ĐDVN IV	36	893110330523 (VD-25552-16)	01

**86. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH Dược Phẩm Việt Phúc** (Địa chỉ: 155A Trần Hưng Đạo, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam)

**86.1. Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH Dược Phẩm Việt Phúc** (Địa chỉ: 155A Trần Hưng Đạo, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam)

788	Kem bôi da Kélog	Ketoconazol 0,2g/10g (Ketoconazol 2%)	Kem bôi da	Hộp 1 Tuýp x 10 g	NSX	24	893100330623 (VD-30826-18 )	01
-----	------------------	---------------------------------------	------------	-------------------	-----	----	-----------------------------	----

**87. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH Hasan - Dermapharm** (Địa chỉ: Đường số 2, KCN Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

**87.1. Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH Hasan - Dermapharm** (Địa chỉ: Đường số 2, KCN Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

789	Acehasan 100	Mỗi gói 2g chứa: Acetylcystein 100mg	Thuốc cốm	Hộp 30 gói 2g thuốc cốm	NSX	24	893100330723 (VD-28535-17)	01
790	Acehasan 200	Mỗi gói 3g chứa: Acetylcystein 200mg	Thuốc cốm	Hộp 30 gói x 3g	NSX	24	893100330823 (VD-30095-18)	01
791	Alenbe Plus 70mg/2800 IU	Acid alendronic (dưới dạng natri alendronat trihydrat) 70mg; Vitamin D3 (dưới dạng Cholecalciferol 100.000IU/g) 2800IU	Viên nén	Hộp 02 vi x 02 viên; Hộp 04 vi x 02 viên; Hộp 10 vi x 02 viên	NSX	24	893110330923 (VD-25969-16)	01
792	Alenbe plus 70mg/5600 IU	Acid alendronic (dưới dạng natri alendronat trihydrat) 70mg; Vitamin D3 (dưới dạng Cholecalciferol 100.000IU/g) 5600IU	Viên nén	Hộp 02 vi x 02 viên; Hộp 04 vi x 02 viên; Hộp 10 vi x 02 viên	NSX	24	893110331023 (VD-25970-16)	01



ST T	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký gia hạn (Số đăng ký đã cấp)	Số lần gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
816	Malibic 15	Meloxicam 15mg	Viên nén	Hộp 01 vỉ x 10 viên; Hộp 03 vỉ x 10 viên; Hộp 05 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110333423 (VD-30996-18)	01
817	Malibic 7,5	Meloxicam 7,5mg	Viên nén	Hộp 01 vỉ x 10 viên; Hộp 03 vỉ x 10 viên; Hộp 05 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110333523 (VD-30997-18)	01
818	Premilin 150mg	Pregabalin 150mg	Viên nang cứng	Hộp 03 vỉ x 10 viên; Hộp 05 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110333623 (VD-29488-18)	01
819	Rosenax 35	Natri risedronat (dưới dạng Natri risedronat hemipentahydrat) 35mg	Viên nén bao phim	Hộp 01 vỉ x 04 viên; Hộp 02 vỉ x 04 viên; Hộp 05 vỉ x 04 viên	USP 43	36	893110333723 (VD-28553-17)	01
820	Rosenax 75	Natri risedronat (dưới dạng Natri risedronat hemipentahydrat) 75mg	Viên nén bao phim	Hộp 01 vỉ x 02 viên; Hộp 02 vỉ x 02 viên; Hộp 05 vỉ x 02 viên	USP 43	36	893110333823 (VD-28554-17)	01
821	Venlormid 5/1,25	Perindopril arginin 5mg; Indapamid 1,25mg	Viên nén bao phim	Hộp 01 vỉ x 30 viên; Hộp 03 vỉ x 30 viên; Hộp 05 vỉ x 30 viên; Hộp 10 vỉ x 30 viên	NSX	36	893110333923 (VD-28557-17)	01
822	Viritin 4 mg	Perindopril tert-butylamin 4mg	Viên nén	Hộp 03 vỉ x 30 viên; Hộp 10 vỉ x 30 viên; Hộp 06 vỉ x 30 viên	NSX	24	893110334023 (VD-23961-15)	01
823	Viritin 8mg	Perindopril tert-butylamin 8mg	Viên nén	Hộp 03 vỉ x 10 viên; Hộp 05 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110334123 (VD-29491-18)	01
824	Viritin plus 2/0,625	Perindopril tert-butylamin 2mg; Indapamid 0,625mg	Viên nén	Hộp 01 vỉ x 30 viên; Hộp 03 vỉ x 30 viên; Hộp 05 vỉ x 30 viên; Hộp 10 vỉ x 30 viên	NSX	36	893110334223 (VD-25977-16)	01

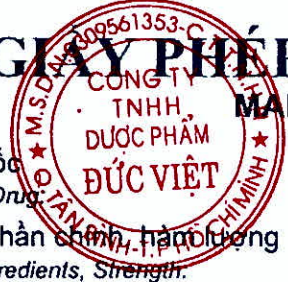


**BỘ Y TẾ**  
MINISTRY OF HEALTH  
**CỤC QUẢN LÝ DƯỢC**  
DRUG ADMINISTRATION OF VIETNAM

138A Giảng Võ - Hà Nội - Việt Nam  
Tel: 84.4.37366483/38464413 - Fax: 84.438234758

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Independence - Freedom - Happiness

**GIẤY PHÉP LƯU HÀNH SẢN PHẨM**  
**MARKETING AUTHORIZATION**

  
Tên thuốc / Name of Drug: **Viritin plus 2/0,625**  
Thành phần chính, hàm lượng / Active Ingredients, Strength: **Perindopril tert-butylamin 2mg; Indapamid 0,625mg**  
Qui cách đóng gói, bào chế / Packing Size, Dosage form: **Hộp 01 vỉ x 30 viên; Hộp 03 vỉ x 30 viên; Hộp 05 vỉ x 30 viên; Hộp 10 vỉ x 30 viên; Viên nén**  
Tiêu chuẩn chất lượng / Quality Specification: **TCCS**  
Hạn dùng / Shelf-life: **36 tháng**  
Số giấy phép lưu hành sản phẩm (SĐK): **VD-25977-16**  
Số quyết định / Approval Decision Number: **547/QĐ-QLD** Ngày cấp: **15/11/2016**  
Date of Issuance:  
Hiệu lực của giấy phép lưu hành sản phẩm: có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp  
Expiration Date of this Marketing Authorization:  
Tên cơ sở đăng ký / Name of Marketing Authorization Holder: **Công ty TNHH Hasan-Dermapharm**  
Địa chỉ / Address: **Đường số 2 - Khu Công nghiệp Đồng An - Phường Bình Hòa - Thị xã Thuận An - Tỉnh Bình Dương - Việt Nam**  
Tên cơ sở sản xuất / Name of Manufacturer: **Công ty TNHH Hasan-Dermapharm**  
Địa chỉ / Address: **Đường số 2 - Khu Công nghiệp Đồng An - Phường Bình Hòa - Thị xã Thuận An - Tỉnh Bình Dương - Việt Nam**  
Tên cơ sở đóng gói / Name of Assembler:  
Địa chỉ / Address:

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2016.  
**CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC**

GENERAL DIRECTOR OF THE DRUG ADMINISTRATION OF VIETNAM

**Ghi chú: (Note)**

1- Giấy phép lưu hành sản phẩm này được cấp theo đăng hồ sơ đăng ký thuốc đã được Bộ Y tế phê duyệt.

This marketing authorization has been issued in accordance with the dossier approved by the Vietnam Ministry of Health.

2- Bất cứ sự thay đổi nào về nội dung của giấy phép phải được Cục Quản lý dược - Bộ Y tế xác nhận.

Any variations of the contents of the marketing authorization are required to be adopted by the Drug Administration of Vietnam.

**TRƯƠNG QUỐC CƯỜNG**



